TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/DS-PT.
Ngày 21/11/2018.
V/v : " Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng dân sự"”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Ong Thân Thắng.
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương.
Bà Phạm Thị Minh Hiền.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn– Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày21/11/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2018/TLPT- DS ngày 12/7/2018 Về việc: " Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng dân sự"

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 10/ 2018/ DSST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2018/QĐ-PT ngày 30/8/2018, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 451 ngày 20/9/2018; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 498 ngày 10/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2018/QĐ-PT ngày 01/11/2018 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Lưu Văn T1 - SN 1961 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn S4, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

2- Bị đơn: Uỷ ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang H- chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn K – sinh năm 1971, chức vụ : Cán bộ địa chính xã đại diện. (Có mặt)

3- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ban quản lý thôn S4(gồm các ông Nguyễn Văn T2- Trưởng thôn S4, xã L , ông Trần Văn T3, bà Nguyễn Thị T4 (ông T2, ông T3 có mặt; bà T4 vắng mặt)

- Ông Lưu Đình T5- Nguyên Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã L (Vắng mặt).

- Uỷ ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang: Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T6- Chủ tịch UBND huyện (Vắng mặt).

4- Người làm chứng: Ông Đặng Văn N- SN 1964 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn S, xã N, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

5. Người kháng cáo: Uỷ ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang- Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang H- chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

*Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn là ông Lưu Văn T1 trình bày:

Ngày 15/ 10/ 2014 ông T1 và Đại diện Ban quản lý thôn S 4 là các ông Nguyễn Văn T2- Trưởng thôn S4, ông Trần Văn T3, bà Nguyễn Thị T4 và Ủy ban nhân dân xã (UBND) L, H - Đại diện theo pháp luật là ông Trần Quang H- Chủ tịch UBND xã ký kết hợp đồng thi công xây dựng kiên cố hóa kênh mương ở Đ, thôn S4, xã L, nội dung thi công kênh mương nước dài 303, 5m, giá trị hợp đồng trước thuế là 183.167.000 đồng, sau thuế là 480.000đồng / m, tức 145.680.000 đồng/303, 5m, thời gian thi công là 01 tháng ; sau khi công trình được nghiệm thu thì các bên thanh toán toàn bộ số tiền hợp đồng.

-Ngày 25/11/ 2014, đại diện UBND xã L (Ông Lưu Văn T5 – Phó chủ tịch)và Đại diện Ban quản lý thôn S 4 (Ông T2, ông T3, bà T4), ông T1 lập biên bản nghiệm thu 303m công trình kênh mương trên, kết quả nghiệm thu : Đảm bảo theo yêu cầu **.**

-Ngày 27/ 11/2014, UBND huyện H, UBND xã L cùng Đại diện Ban quản lý thôn S4 và ông T1 đã lập biên bản nghiệm thu 303,5m kênh mương trên và kết luận : Nhất trí nghiệm thu công trình .

Từ ngày nghiệm thu công trình đến nay kênh mương vẫn sử dụng bình thường. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã L và Ban quản lý thôn S4 đã trả ông T1 100.000.000 đồng, còn lại 45.680.000 đồng chưa trả. Nay ông T1 yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L trả 45.680.000 đồng tiền còn lại và lãi suất theo ngân hàng. Tại biên bản hòa giải tại Tòa án, ông T1 thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L trả 45.680.000 đồng và không yêu cầu lãi suất .Tại phiên tòa ông T1 yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L trả 45.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

* Bị đơn là Ủy ban nhân xã L, huyện H do ông Trần Quang H – Chủ tịch UBND xã L là đại diện theo pháp luật trình bày : Theo chủ trương xây dựng kiên cố hóa kênh mương,UBND xã L đã đăng ký với UBND huyện H về việc cho phép thôn S 4 được thi công mương cứng, nguồn vốn là do nhân dân đóng góp và UBND huyện hỗ trợ 75.000.000 đồng do UBND xã L làm chủ đầu tư. Khi được phê duyệt, Ủy ban nhân dân xã đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T2- Trưởng thôn S4 có trách nhiệm thuê nhà thầu, thu tiền của dân và cử ra ban giám sát tiến hành thi công công trình. Sau đó ông Nguyễn

Văn T2 đã ký hợp đồng thi công mương cứng với ông Lưu Văn T1 ngày 15/10/2014. Sau đó, ngày 16/10/2014 ông T1 thi công mương cứng .

Sau khi nghiệm thu tổng công trình ngày 25/11/2014 thì ban giám sát yêu cầu ông T1 phải trát lại 200m đầu kênh mương cứng và tu sửa 100m cuối kênh nhưng ông T1 không sửa chữa. Thôn S4, xã L do ông T2 làm đại diện đã thống nhất với cấp ủy và ban giám sát đã thanh toán cho ông T1 số tiền là 50.000.000 đồng và giữ lại 97.000.000 đồng tiền còn lại không thanh toán sau đó đã có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã L xem xét giải quyết. Chủ tịch ủy ban nhân dân xã L cùng cấp ủy, ban quản lý thôn S4, ban giám sát và ông T1 ra kiểm tra hiện trường, sau đó về Nhà văn hóa thôn S4 giải quyết. Sau buổi làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L đã chỉ đạo ông T2 – Trưởng thôn S 4 thanh toán tiếp cho ông T1 số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu ông T2 chỉ đạo ban quản lý thôn đôn đốc ông T1 tiếp tục khắc phục 200m đầu mương cứng và tu sửa 100m cuối kênh chưa đảm bảo kỹ thuật . Sau đó ông T1 có nói là để đến cuối năm, mùa khô mới thực hiện việc khắc phục và tu sửa lại. Nhưng ông T1 không thực hiện, đến cuối năm, Ủy ban nhân dân xã đã đôn đốc ông T2 – Trưởng thôn S4 thanh lý hợp đồng với ông T1, thuê thợ khác trát và tu sửa 300m kênh, nghiệm thu thực tế, nếu không hết số tiền 45.680.000 đồng thì trả số tiền còn lại cho ông T1. Nếu thiếu thì ban quản lý Thôn S 4 phải bù vào. Hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng ngày 24/ 5/ 2015 với nội dung thôn S4 thanh toán toàn bộ công trình thi công cho ông T1 với số tiền là 94.088.000 đồng. Ông T2 đã ứng trước cho ông T1 số tiền 100.000.000 đồng nên phải trả lại cho thôn S4 là 5.912.000 đồng. Cho đến nay ông T1 vẫn không thực hiện. Từ khi ông T1 xây dựng xong công trình, công trình vẫn được giữ nguyên, chưa tu sửa gì.

Nay Ủy ban nhân dân xã L xác định toàn bộ công trình xây dựng kiên cố hóa kênh mương tại thôn S4, xã L, Ủy ban nhân dân xã L đã ủy quyền toàn bộ việc thi công, giám sát, quyết toán cho Ban quản lý thôn S 4, xã L quyết định, số tiền hỗ trợ từ UBND huyện H là 75.000.000 đồng cũng đã bàn giao cho Ban quản lý thôn S4. Ủy ban nhân dân xã L chỉ thực hiện việc lập hồ sơ, nghiệm thu để rút tiền hỗ trợ của UBND huyện H hỗ trợ công trình thi công mương cứng đối với thôn S 4. Còn toàn bộ việc thi công công trình, giám sát, thanh toán đều do ban quản lý thôn và cấp ủy thôn S 4 thực hiện.

Nay ông T1 khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân xã L phải thanh toán số tiền 45.680.000 đồng còn thiếu theo hợp đồng xây dựng kiên cố hóa kênh, mương tại thôn S4, L, H thì Ủy ban nhân dân xã L không đồng ý, vì vốn đối ứng là của thôn, do nhân dân đóng góp, đồng thời ông T1 cũng chưa thực hiện việc trát lại 200m đầu kênh mương và tu sửa 100m kênh mương chưa đảm bảo kỹ thuật .

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý thôn S4(gồm các ông Nguyễn Văn T2- Trưởng thôn S4, xã L , ông Trần Văn T3, bà Nguyễn Thị T4) tại các biên bản hòa giải, đối chất trình bày : Nhất trí với lời trình bày của đại diện UBND xã L, không bổ sung ý kiến gì.

Nay ông T1 khởi kiện yêu cầu UBND xã L, H trả số tiền 45.680.000 đồng thì xác định toàn bộ số tiền xây dựng kiên cố hóa kênh mương tại thôn S4 là do nhân dân đóng góp và tiền UBND huyện H hỗ trợ đều do Bản quản lý thôn S4, xã L, H giữ và yêu cầu ông T1 phải trát lại lại toàn bộ 200m đầu kênh và tu sửa lại 100m cuối kênh mương chưa đảm bảo kỹ thuật thì Ban quản lý thôn S4 sẽ trả hết số tiền còn thiếu cho ông T1. Nếu ông T1 không thực hiện, Ban quản lý thôn S4 sẽ thực hiện theo biên bản thanh lý hợp đồng xây dựng mương cứng ngày 24/5/2015.

- Uỷ ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang: Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T6- Chủ tịch UBND huyện, tại Công văn số 52 ngày 10/ 4/ 2018 trình bày : Năm 2014, Uỷ ban nhân dân huyện H có thực hiện hỗ trợ kênh mương cho thôn S4, xã L 75.000.000 đồng, ghi nhận tại Quyết định số 223/ QĐ- UBND ngày 10/ 02/ 2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện H.

* Người làm chứng là ông Đặng Văn N trình bày : Ông N là người trực tiếp thi công, xây dựng kênh mương cho thôn S4, xã L; thời gian thi công là 01 tháng kể từ ngày 16/10/2014. Khi công trình nghiệm thu ngày 25/11/ 2014 thì vẫn đạt chỉ tiêu 303, 5m dài và chất lượng như bản thiết kế, không phải tu sửa gì. Nay ông N xác định việc thi công 303,5m kênh mương cho thôn S4, xã L đã đảm bảo chất lượng, không sai sót gì và 303,5m kênh mương trên vẫn hoạt động, sử dụng bình thường từ ngày nghiệm thu đến nay.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS- ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, đã quyết định:

Áp dụng các điều 121, 338, 405, 283, 290- Bộ luật dân sự 2005, điều 468- Bộ luật dân sự 2015; các điều 147 và 227, 228, điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/ 2016/ UBTWQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án năm 2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn T1: Buộc UBND xã L, huyện H phải có nghĩa vụ trả ông Lưu Văn T1 45.000.000 đồng tiền gốc. Không xem xét giải quyết tiền lãi suất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 09/5/2018 bị đơn Uỷ ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS- ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lưu Văn T1 là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn là Uỷ ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

-Uỷ ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang trình bày kháng cáo: Không nhất trí với bản án sơ thẩm, việc ký kết hợp đồng là do Ban quản lý thôn S4 ký kết. Án sơ thẩm xác định UBND xã L là bị đơn là không đúng vì UBND xã không ký hợp đồng, mà UBND xã chỉ ký xác nhận hợp đồng giữa ông T1 và Ban quản lý thôn S4. UBND xã L

không phải trả tiền cho ông T1. Ngoài ra thì do ông T1 thi công công trình chưa đảm bảo lỹ thuật, Ban Quản lý thôn có yêu cầu khắc phục sửa chữa nhưng ông T1 không làm. Sau đó giữa ông T1 và Ban quản lý thôn có thanh lý hợp đồng, trên cơ sơ kết quả công việc đã làm và số tiền đã chi trả.

- Nguyên đơn ông Lưu Văn T1 trình bày: Không đồng ý với quan điểm của UBND xã L. Ban đầu tôi kiện Ban quản lý thôn S 4 nhưng khi tôi nộp đơn thì Tòa án đã đình giải quyết vụ án vì xác định bị đơn là UBND xã L vì là chủ đầu tư dự án cải tạo. Quá trình thi công có cán bộ, xã huyện về kiểm tra, giám sát và nghiệm thu công trình đảm bảo yêu cầu. Vì vậy sau ngày nghiệm thu đảm bảo yêu cầu thì mọi phát sinh của công trình tôi không chịu trách nhiệm. Tôi có ký khống vào giấy tờ để trống do ông T2 đưa. Đề nghị không chấp nhận quan điểm của Ban quản lý thôn S4 và UBND xã L trình bày và cung cấp tại Tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2- Trưởng thôn S 4, xã L , ông Trần Văn T3 trình bày: Không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bị đơn, Ban quản lý thôn S4 là bên ký kết hợp đồng xây dựng với ông T1. Quá trình xây dựng các bên có tiến hành kiểm tra nghiệm thu và phát hiện việc thi công của ông T1 chưa đảm bảo yêu cầu, Ban quản lý thôn có mời các bên liên quan lập biên bản, yêu cầu ông T1 phải khắc phục sai sót kỹ thuật thì mới thanh toán hết tiền. Tuy nhiên, ông T1 không khắc phục Ban quản lý thôn có biên bản làm việc ngày 23/5/2015 với ông T1, ông T1 có quan điểm không thi công nữa đề nghị thanh lý hợp đồng. Ngày 24/5/2015 Ban quản lý thôn và ông T1 có biên bản thanh lý hợp đồng xây dựng mương cứng. Hai bên đã thống nhất số lượng công việc thi công và số tiền thanh toán, đối trừ đi ông T1 còn phải trả cho Ban quản lý thôn 5.912.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là không đúng. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, sửa án sơ thẩm về quan hệ pháp luật tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1].Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn Uỷ ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang nộp trong thời hạn quy định và nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó kháng cáo của bị đơn là Uỷ ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2].Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX thấy những người này đã có bản tự khai và quan điểm trong hồ sơ vụ án. Do đó sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật tại khoản 3, Điều 296- Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, HĐXX thấy: Ngày 15/10/2014 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng thi công xây dựng kiên cố hóa kênh mương. Quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh tranh chấp về chất lượng thi công xây dựng công trình dẫn đến bị đơn chưa thanh toán được cho nguyên đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp : "thực hiện nghĩa vụ dân sự trong hợp đồng dân sự" là không chính xác. Căn cứ tài liệu trong hồ sơ thì phải xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3, Điều 26- BLTTDS (cụ thể là hợp đồng xây dựng).

[4]. Về thời hiệu khởi kiện, HĐXX thấy : Ngày 24/5/2015 có biên bản thanh lý hợp đồng, ngày 12/7/2017 nguyên đơn khởi kiện đòi tiền là trong thời hiệu quy định tại Điều 429- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, HĐXX thấy : Tranh chấp phát sinh giữa cá nhân, tổ chức người Việt Nam với nhau xuất phát từ hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3, Điều 26- BLTTDS năm 2015. Hợp đồng được thực hiện tại địa bàn huyện H nên TAND huyện H thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 ; điểm a, khoản 1, Điều 39- BLTTDS năm 2015.

[6]. Xét kháng cáo của bị đơn là UBND xã L, HĐXX thấy:

[6.1]. Về việc xác định tư cách đương sự không đúng: Quá trình giải quyết vụ án, tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 2 bản hợp đồng, cụ thể:

Tại hợp đồng viết tay ký kết ngày 15/10/2014 không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền là UBND xã L. Hợp đồng này có các điều khoản quy định không được đầy đủ, chi tiết.

Tại bản hợp đồng đánh máy ký ngày 10/10/2014 có xác nhận của UBND xã L. Hợp đồng này có các điều khoản chi tiết quy định quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình khởi kiện Nguyên đơn căn cứ vào quy định của hợp đồng viết tay nhưng về đơn giá, khối lượng thi công của Hợp đồng lại căn cứ vào hợp đồng đánh máy có xác nhận của UBND xã L. Hợp đồng đánh máy tại điều 12 có quy định về việc bảo hành công trình đã thi công trong thời hạn 12 tháng sau khi nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy UBND xã L là chủ đầu tư của công trình xây dựng, Ban quản lý thôn S 4 chỉ là tổ chức được Chủ đầu tư ủy quyền ký kết hợp đồng. Do đó cấp sơ thẩm xác định UBND xã L là bị đơn trong vụ án là có căn cứ.

[6.2]. Về nội dung tranh chấp: Trong quá trình xét xử, tại phiên tòa phúc thẩm đương sự là ông Nguyễn Văn T2 có cung cấp 2 biên bản làm việc giữa Ban quản lý thôn S4 và ông Lưu Văn T1, cụ thể:

1. Biên bản làm việc ngày 23/5/2015 có nội dung thể hiện nhiều hạng mục thi công ông Lưu Văn T1 chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế. Ban quản lý thôn và tổ thi công đã nhắc nhở ông T1 làm lại theo yêu cầu của địa phương. Ông Lưu Văn T1 đề nghị không thi công nữa và xin được thanh lý hợp đồng.

2. Biên bản thanh lý hợp đồng xây dựng mương cứng ngày 24/5/2015 có nội dung thể hiện Ban quản lý thôn S 4 và ông Lưu Văn T1 thanh lý hợp đồng, tính toán số lượng công việc đã thi công, tổng số tiền công, số tiền đã thanh toán, số tiền còn phải thanh toán. Kết luận ông Lưu Văn T1 phải trả lại cho thôn số tiền 5.912.000 đồng. Ông Lưu Văn T1 không đồng ý theo biên bản thanh lý hợp đồng.

Theo nội dung hai văn bản mà ông Nguyễn Văn T2 cung cấp thì Ban quản lý thôn S4 đã căn cứ theo nội dung quy định tại hai văn bản này để giải quyết việc thanh toán tiền với ông Lưu Văn T1. Đây là các tài liệu mới phát sinh được cung cấp ở giai đoạn xét xử phúc thẩm. Các tài liệu này có liên quan trong việc giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng chưa được xem xét đánh giá ở cấp sơ thẩm, do đó không đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

[6.3]. Từ những nội dung trên, HĐXX thấy cần áp dụng khoản 3, Điều 308; Điều 310 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Án phí sơ thẩm của vụ án được xem xét giải quyết sau khi Tòa án huyện H thụ lý giải quyết lại vụ án.

Do hủy bản án sơ thẩm nên bị đơn là UBND xã L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, Điều 296; khoản 3, Điều 308; Điều 310 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3, Điều 29- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là UBND xã L, huyện H. Hủy bản án sơ thẩm số 10/2018/DS- ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang về tranh chấp "thực hiện nghĩa vụ dân sự trong hợp đồng dân sự" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Văn T1; Bị đơn: UBND xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2].Về án phí: UBND xã L không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm . Hoàn trả UBND xã L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2017/0001379 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện H;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ong Thân Thắng